

Pronunciation (trang 64 SBT Tiếng Anh 5)

1. Mark the sentence intonation...(Đánh dấu ngữ điệu của câu. Sau đó đọc to những câu đó.)

1. Where's the supermarket? ↗ It's opposite the museum. ↘
2. Where's the theatre? ↗ It's between the post office and the pharmacy. ↘
3. Where's the railway station? ↗ It's on the corner of the street. ↘

Hướng dẫn dịch:

1. Siêu thị ở đâu? Nó ở đối diện bảo tàng.
2. Rạp hát ở đâu? Nó ở giữa bưu điện và hiệu thuốc.
3. Ga tàu ở đâu? Nó ở góc phố.

2. Read and complete... (Đọc và hoàn thành. Sau đó đọc to những câu đó.)

1. the post office, It's
2. the theatre, end
3. the hospital, between

Hướng dẫn dịch:

1.
A: Bưu điện ở đâu?
B: Nó ở đối diện hiệu thuốc.
2.
A: Rạp hát ở đâu?
B: Nó ở cuối phố Pear.
- 3.

A: Bệnh viện ở đâu?

B: Nó ở giữa nhà ga tàu và sân vận động.

Vocabulary (trang 64-65 SBT Tiếng Anh 5)

1. Say where the buildings are. (Nói địa điểm các tòa nhà)

1. The theatre is on the corner of White Avenue and Apple Street.
2. The pharmacy is on the corner of White Avenue and Orange Street.
3. The post office is on the corner of Apple Street and White Avenue.
4. The cinema is next to the supermarket.
5. The supermarket is between the cinema and the hospital.
6. The hospital is next to the supermarket.
7. The stadium is opposite the cinema.
8. Green Tower is at the end of Apple Street.

anh

1. Rạp hát ở góc Đại lộ White và Phố Apple.
2. Tiệm thuốc tây ở trên đại lộ White và Orange.
3. Bưu điện ở trên góc đường Apple và White Avenue.
4. Rạp chiếu phim kế bên siêu thị.
5. Siêu thị ở giữa rạp chiếu phim và bệnh viện.
6. Bệnh viện kế bên/gần siêu thị.
7. Sân vận động đối diện rạp chiếu phim.
8. Tòa tháp Green ở cuối đường Apple.

Complete the sentences...(Hoàn thành những câu sau. Dùng bản đồ trong phần B1.)

1. opposite
2. between

3. on the corner

4. next to

5. at the end

Hướng dẫn dịch:

1. Sân vận động ở đối diện rạp chiếu phim.
2. Siêu thị ở giữa rạp chiếu phim và bệnh viện.
3. Rạp hát ở góc đại lộ White và phố Apple.
4. Rạp chiếu phim ở cạnh siêu thị.
5. Bưu điện ở cuối phố Apple.

Sentence patterns (trang 65 SBT Tiếng Anh 5)**1. Read and match. (Đọc và nối.)**

1. c 2. e 3. b 4. d 5. a

1. Read and match. (Đọc và nối.)

1. Bạn giúp tôi được không? Đương nhiên rồi.
2. Bưu điện ở đâu? Nó ở cuối phố.
3. Nó có ở gần đây không? Có, bạn có thể đi bộ tới đó.
4. Làm thế nào để tới được rạp hát thành phố?
5. Rẽ phải. Nó ở góc phố.
6. Xe buýt nào tới sớm thứ? Số 34.

2. Read and complete. (Đọc và hoàn thành.)

(1) d (2) c (3) b (4) a (5) e

Hướng dẫn dịch:

Trung: Xin lỗi bác/Làm phiền bác? Bác có thể giúp cháu được không ạ?

Người đàn ông: Tất nhiên rồi.

Trung: Vui lòng cho cháu biết bảo tàng ở đâu?

Người đàn ông: Nó khá xa so với ở đây.

Trung: Cháu có thể đến đó bằng cách nào?

Người đàn ông: Cháu phải đi bằng xe buýt.

Trung: Trạm xe buýt dừng lại sau đó ở đâu ạ?

Người đàn ông: Rẽ phải. Nó ở cuối đường.

Trung: Cháu nên đi xe buýt gì/nào?

Người đàn ông: số 75.

Trung: Cháu cảm ơn rất nhiều. Bác thật tốt bụng.

Người đàn ông: Không có chi.

Speaking (trang 66 SBT Tiếng Anh 5)

1. Read and reply. (Đọc và đáp lại.)

- a. Yes, certainly.
- b. It's on To Hien Thanh Street.
- c. Yes it is. / No, it isn't. It's near here. It's over there.
- d. You may take a bus/motorbike.

Hướng dẫn dịch:

- a. Vâng, tất nhiên rồi.
- b. Nó trên đường Tô Hiến Thành.
- c. Có xa. / Không, nó không xa. Nó gần đây. Nó ở đằng kia.
- d. Bạn có thể đi bằng xe buýt/xe máy.

2. Ask and answer the questions above. (Hỏi và trả lời những câu hỏi ở trên.)

- a. Yes, certainly.

- b. It's on Nguyen Thi Minh Khai Street.
- c. Yes it is. / No, it isn't. It's near here. It's over there.
- d. You may take a taxi/motorbike.
- e. You may on foot.

Hướng dẫn dịch:**a. Vâng, tất nhiên rồi.**

- b. Nó trên đường Nguyễn Thị Minh Khai.
- c. Có xa. / Không, nó không xa. Nó gần đây. Nó ở đằng kia.
- d. Bạn có thể đi bằng xe tắc xi/xe máy.
- e. Bạn có thể đi bộ.

Reading (trang 66 SBT Tiếng Anh 5)**1. Read and complete. (Đọc và hoàn thành.)**

- (1) uncle (2) there (3) City
- (4) places (5) wrong (6) blocks

b

Tên tôi là Sinh. Tuần trước, gia đình tôi đến Thành phố Hồ Chí Minh để thăm bác/chú tôi. Đó là lần đầu tôi đến đó. Vào ngày thứ ba của chuyến viếng thăm, anh trai tôi và tôi có một chuyến tham quan thành phố bằng xe buýt. Chúng tôi đã viếng một vài địa điểm như là nhà hát thành phố, sở thú và chợ Bến Thành. Không may, chúng tôi đã bị lạc trên đường về nhà bởi vì chúng tôi đã đi sai xe buýt! May mắn thay cuối cùng chúng tôi đã đi đúng xe buýt về nhà. Nó dừng lại bên kia đường, khoảng ba khối nhà từ nhà của bác/chú tôi.

Read again and answer. (Đọc lại và trả lời.)

- 1. He was in Ho Chi Minh City.
- 2. They visited Sinh's uncle.
- 3. They went by bus.
- 4. They got lost.

5. It's about three blocks from his uncle's house.

Hướng dẫn dịch:

1. Cậu ấy ở Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Họ đã thăm chú/bác của Sinh.
3. Họ đã đi bằng xe buýt.
4. Họ đã bị lạc đường.
5. Nó cách khoảng ba khối nhà từ nhà của chú/bác cậu ấy.

Writing (trang 67 SBT Tiếng Anh 5)

1. Put the words...(Sắp xếp các từ sau để tạo thành câu)

1. Turn right at the next corner.
2. It's not far from here.
3. How can I get there?
4. You can take a taxi.
5. The bus stop is at the entrance of the zoo.

Hướng dẫn dịch:

1. Rẽ phải ở góc kế tiếp.
2. Nó không xa từ đây.
3. Tôi có thể đến đó bằng cách nào?
4. Bạn có thể đi bằng taxi.
5. Trạm dừng xe buýt ngay tại cổng vào cửa sở thú.

2. Look and write. (Nhìn và viết.)

1. The pharmacy is opposite the stadium.
2. The theatre is between the supermarket and the post office.
3. The post office is next to the theatre.

4. Green Tower is at the end of Apple Street.

Hướng dẫn dịch:

1. Nhà thuốc tây đối diện sân vận động.
2. Nhà hát ở giữa siêu thị và bưu điện.
3. Bưu điện kế bên nhà hát.
4. Tòa tháp Green ở cuối đường Apple.